

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17/5/2022

*“V/v ly hôn, nuôi con và chia
tài sản chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Cao Thế,
2. Bà Trần Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Mỹ Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Triều, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 118/2021/TLST- HNGĐ ngày 16/12/2021, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 15/4/2022 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 29/4/2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Từ Thị Thu H, sinh năm 1992,

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Q, tỉnh Q, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1984,

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện , tỉnh Q, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Quỹ tín dụng nhân dân xã X; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang M – Chủ tịch HĐQT, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 02/11/2021, bản tự khai ngày 29/12/2021 cũng như biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Từ Thị Thu H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H trước đây yêu nhau và kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Q, tỉnh Q vào ngày 09/12/2015. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống làm ăn ở thôn H, xã T, huyện

Q, tỉnh Q. Trong quá trình chung sống, do không hợp tính tình nên vợ chồng không được hòa thuận, hạnh phúc; anh H cho rằng tôi có quan hệ tình cảm với người khác nên thường hay ghen tuông vô cớ, mặc dù tôi đã nhiều lần giải thích nhưng anh H chứng nào tật đó không chịu thay đổi nên dẫn đến vợ chồng thường gây gổ, xúc phạm nhau nên buộc tôi phải bỏ về sống với bố mẹ tại thôn , xã Thuyện Q, tỉnh Q từ tháng 9/2021 cho đến nay, vợ chồng chấm dứt quan hệ, không còn ai còn quan tâm đến ai. Hiện tại chị H xác định tình cảm giữa chị và anh H thực sự đã hết và một mực yêu cầu được ly hôn.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H qua tại bản tự khai, phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Anh trình bày: Giữa anh và chị Từ Thị Thu H xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết, vì mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được; nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, mặc dù hai bên cũng đã tạo cơ hội cho nhau để hàn gắn nhưng không có kết quả. Tòa án cũng đã hòa giải nhiều lần mà chị H vẫn cương quyết ly hôn, Anh đã có thiện chí và thay đổi nhưng chị H vẫn không bằng lòng mà thể hiện căng thẳng hơn nên anh không có phương pháp gì để níu kéo. Tại phiên tòa anh khẳng định lại, tình cảm vợ chồng hiện nay thực sự đã hết và nhất trí ly hôn.

Con chung: Chị H và anh H thống nhất thừa nhận vợ chồng có một con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 25/3/2017, hiện tại con đang sống với anh H; ly hôn chị H và anh H đều có nguyện vọng được nuôi con; về cấp dưỡng nuôi con chị H yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng; anh Hiếu nếu được nuôi con anh tạm thời không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con vì anh đủ khả năng và điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H, khai nhận vợ chồng được cấp đất ở, thửa đất số 102, tờ bản đồ số 7, diện tích 201 m² tại thôn H, xã T, huyện Q, tỉnh Q trị giá khoảng 300.000.000 đồng; Nhà ở cấp 4, 02 tầng gắn liền với đất ở, trị giá khoảng 01 tỷ đồng và nợ tại Quỹ tín dụng nhân dân xã X tại thời điểm ngày 29/12/2021, số tiền gốc là 190.000.000 đồng, nợ lãi 740.000 đồng theo hợp đồng tín dụng vay vốn số 270.05/HĐTD tại Quỹ tín dụng nhân dân xã X số tiền 290.000.000 đồng, với lãi suất 8,88%/năm, thời hạn vay 01 năm, mục đích vay vốn để tu sửa nhà, tài sản đảm bảo cho khoản vay bằng hợp đồng thế chấp số: 27404.05/HĐTC ngày 11/8/2021; chị Hoài yêu cầu Tòa án chia đôi tài sản chung và nợ chung.

Anh H cho rằng tài sản và khoản nợ tại Quỹ tín dụng nhân dân xã X giải quyết sau, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Quỹ tín dụng nhân dân xã X, ông Nguyễn Quang M trình bày: Chị Từ Thị Thu H và anh Nguyễn Văn H có ký hợp đồng tín dụng vay vốn số 270.05/HĐTD tại Quỹ tín dụng nhân dân xã X số tiền 290.000.000 đồng, với lãi suất 8,88%/năm, thời hạn vay 01 năm, mục đích vay vốn để tu sửa nhà, tài sản đảm bảo cho khoản vay bằng hợp đồng thế chấp số: 27404.05/HĐTC ngày 11/8/2021. Tại thời điểm ngày 29/12/2021 số tiền gốc còn nợ là 190.000.000 đồng, nợ lãi 740.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng chị H, anh H trả gốc và lãi đúng quy định; tuy nhiên khoản vay chưa đến hạn thanh toán, nhưng

hiện nay vợ chồng chị H, anh H đang giải quyết ly hôn nên Quỹ tín dụng nhân dân xã X yêu cầu Tòa án giải quyết để buộc chị H, anh H ai là người có trách nhiệm trả nợ khoản đã vay tại Quỹ tín dụng nhân dân xã X.

Ngày 14/4/2022, chị Từ Thị Thu H là nguyên đơn làm đơn rút một phần đơn yêu cầu khởi kiện, về giải quyết tài sản chung gồm: Diện tích đất thửa đất số 102, tờ bản đồ số 7, diện tích 201 m² tại thôn H, xã T, huyện Q trị giá 300.000.000 đồng; Nhà ở cấp 4, 02 tầng gắn liền với đất ở, trị giá 01 tỷ đồng và khoản nợ tại Quỹ tín dụng nhân dân xã X tính đến ngày 29/12/2021 số tiền gốc còn nợ 190.000.000 đồng, số tiền lãi còn nợ 740.000 đồng; với lý do việc phân chia tài sản chung, nợ chung là chưa cần thiết, sau này để lại cho con.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án được đảm bảo đúng thủ tục quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H, anh H thuận tình ly hôn; Áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình xử: Giao con Nguyễn Gia H cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, buộc anh H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi cùng chị H mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 6/2022 đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi); Về tài sản chung: Đình chỉ phần yêu cầu của nguyên đơn đã rút về giải quyết tài sản chung gồm: Diện tích đất thửa đất số 102, tờ bản đồ số 7, diện tích 201 m² tại thôn H, xã , huyện Q, tỉnh Q trị giá 300.000.000 đồng; Nhà ở cấp 4, 02 tầng gắn liền với đất ở, trị giá 01 tỷ đồng và khoản nợ tại Quỹ tín dụng nhân dân xã X tính đến ngày 29/12/2021 số tiền gốc còn nợ 190.000.000 đồng, số tiền lãi còn nợ 740.000 đồng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả hỏi và tranh luận tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức hoà giải nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho các đương sự tự thoả thuận với nhau để đi đến thống nhất giải quyết vụ án, song không có kết quả, vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết quan hệ tranh chấp: Chị Từ Thị Thu H yêu cầu giải quyết ly hôn anh Nguyễn Văn H có địa chỉ tại thôn H, xã T, huyện Q, tỉnh Q và giải quyết việc nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn. Vì vậy xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh.

[3] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Hội đồng xét xử nhận thấy chị Từ Thị Thu H và anh Nguyễn Văn H có đăng ký kết hôn ngày 08/01/2018 tại UBND xã T,

huyện Q, tỉnh Q là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H nghi ngờ chị H ngoại tình, chị H thì cho rằng mình không có ngoại tình, anh không đồng ý ly hôn vì anh không muốn gia đình đổ vỡ ảnh hưởng đến tương lai của con, anh cũng mong muốn chị H cho anh cơ hội để sửa chữa sai lầm nhưng anh không có ý kiến hay động thái gì để hàn gắn tình cảm, mặc dù chị H cũng đã tạo cơ hội cho anh để thay đổi mà ngày càng đối xử thậm tệ hơn, hiện tại không ai còn quan tâm đến ai. Qua đó, chứng tỏ anh H không muốn vợ chồng trở lại đoàn tụ. Từ đó, vợ chồng mất lòng tin về nhau nên thường xuyên gây gổ, xúc phạm lẫn nhau, dẫn đến mất mát tình cảm và đã sống ly thân từ tháng 9/2021 cho đến nay, vợ chồng chấm dứt quan hệ. Cả chị H và anh H đều xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết và thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu thuận tình ly hôn của chị H và anh H là phù hợp với Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về quan hệ con chung*: Chị H, anh H thống nhất vợ chồng có một con chung Nguyễn Gia H, sinh ngày 25/3/2017: Chị H, anh H đều có yêu cầu được nuôi con, nhưng hiện nay con đang còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ; về cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên việc cấp dưỡng hàng tháng anh, chị không thống nhất nên Hội đồng xét xử cần xử giao con cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, buộc anh H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng phù hợp với thu nhập của anh và nhu cầu của con, mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 6/2022, là phù hợp với các điều 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về tài sản chung*: Ngày 14/4/2022, chị Từ thị Thu H là nguyên đơn làm đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, phần mà nguyên đơn rút về giải quyết tài sản chung gồm: Diện tích đất thửa đất số 102, tờ bản đồ số 7, diện tích 201 m² tại thôn H, xã T, huyện Q, tỉnh Q, trị giá 300.000.000 đồng; Nhà ở cấp 4, 02 tầng gắn liền với đất ở, trị giá 01 tỷ đồng và khoản nợ tại Quỹ tín dụng nhân dân xã X tính đến ngày 29/12/2021 số tiền gốc còn nợ 190.000.000 đồng, số tiền lãi còn nợ 740.000 đồng; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phía nguyên đơn đã rút yêu cầu; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì về việc rút yêu cầu nguyên đơn. Do đó, nên chấp nhận để đình chỉ yêu cầu chia tài sản của nguyên đơn là phù hợp với Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Chị Từ Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55; các điều 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Từ Thị Thu H và anh Nguyễn Văn H.

2. *Về con chung*: Xử, giao chị Từ Thị Thu H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Nguyễn Gia H, sinh ngày 25/3/2017. Buộc anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị H mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 6/2022 đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung*: Đình chỉ phần yêu cầu của nguyên đơn đã rút về giải quyết tài sản chung gồm: Diện tích đất thừa đất số 102, tờ bản đồ số 7, diện tích 201m² tại thôn H, xã T, huyện Q, tỉnh Q, trị giá 300.000.000 đồng; Nhà ở cấp 4, 02 tầng gắn liền với đất ở, trị giá 01 tỷ đồng và khoản nợ tại Quỹ tín dụng nhân dân xã X tính đến ngày 29/12/2021 số tiền gốc còn nợ 190.000.000 đồng, số tiền lãi còn nợ 740.000 đồng.

4. *Về án phí*: Chị Từ Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 17.700.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số: 31AA/2021/0003782, ngày 15/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh. Chị Từ Thị Thu H được nhận lại số tiền 17.400.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Từ Thị Thu H, anh Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Quang M có mặt, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (17/5/2022), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- UBND xã Tân Ninh;
- Lưu: HS; VP.

Nguyễn Văn Châu

